

TỖ NI NHẬT DỤNG THIẾT YẾU (LUẬT THIẾT YẾU DÙNG TRONG NGÀY)

Hán văn: Núi Bảo Hoa_ Hoằng Giới Tỳ Khuru ĐỘC THỂ xếp theo từng loại.
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

SÁNG SỚM TỈNH GIÁC

(Pháp Tác được đặt ra từ Kinh Luật. Hàng Đệ Tử xuất gia vào đầu đêm, sau đêm siêng năng tu Phật Đạo đừng ham mê ngủ say, lười biếng phóng dật, cho nên lúc thức dậy thời nên tụng **Kệ** này)

睡眠始寤

Thụy miên thỉ ngu

當願衆生

Đương nguyện chúng sinh

一切智覺

Nhất Thiết Trí giác

周顧十方

Chu cô thập phương

_ Ngủ say, mới thức dậy

Nên nguyện cho chúng sinh

*Hiểu rõ **Nhất Thiết Trí***

Nhìn ngó khắp mười phương

ĐÁNH CHUÔNG

(Phàm lúc sáng sớm, chiều tối thời đánh chuông, đi đến trước cái chuông, chí thành chấp tay, tụng **Kệ** này xong, mới dùng tay đánh chuông, miệng hoặc tụng Đức Hiệu của chư Phật, hoặc tụng tên của Kinh Đại Thừa, hoặc tụng Chú bí mật, khiến cho tất cả hữu tình, nghe âm thanh lìa khổ, đều được giải thoát)

願此鐘聲超法界

Nguyện thử chung thanh siêu Pháp Giới

鐵圍幽闇悉皆聞

Thiết Vi u ám tất giai văn

聞塵清淨證圓通

Văn **Trần** thanh tịnh chứng viên thông

一切衆生成正覺

Nhất thiết chúng sinh thành Chính Giác

_ Nguyện tiếng chuông này vượt Pháp Giới

***Thiết Vi** u ám thấy đều nghe*

*Nghe, **Trần** trong sạch, chứng Viên Thông*

Tất cả chúng sinh thành Chính Giác

NGHE CHUÔNG

(Sáng sớm, chiều tối, trong lúc đi đứng ngồi nằm, một khi nghe tiếng chuông vang, liền tụng **Kệ Chú** này)

聞鐘聲煩惱輕

Văn chung thanh, phiền não khinh

智慧長菩提生

Trí Tuệ trường, Bồ Đề sinh

離地獄出火坑

Ly Địa Ngục, xuất hoả khanh

願成佛度衆生

Nguyện thành Phật độ chúng sinh

唵伽囉帝耶莎訶(三徧)

Ān, già la đế gia, toa ha (tam biến)

_Nghe chuông vang, phiền não nhẹ

Tăng Trí Tuệ, sinh Bồ Đề

Lìa lửa thiêu, xa Địa Ngục

Nguyện thành Phật, độ chúng sinh

ॐ 𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋

Om cala teja svāhā (3 lần)

[**Om**: Nhiếp triệu

Cala: lay động, tức âm ba rung động của tiếng chuông

Teja: Uy quang, uy đức

Svāhā: quyết định thành tựu]

[Bậc Cổ Đức nói rằng:

“Nghe chuông, nắm chẳng dây

Hộ Pháp, Thiện Thần giện

Đời này giảm Phước Tuệ

Đời sau đoạ thân rấn”

Người lười biếng tu Thiện Tụng ấy sẽ chiêu cảm quả báo. Rộng tại trong Kinh Luật, nơi đây chẳng dẫn nhiều]

MẶC ÁO

(Phàm lúc khoác mặc, thay đổi áo thời tùy theo thứ số ấy, mỗi mỗi đều tụng **kệ** này, chẳng phải chỉ nói vào giờ Dần, một lần khoác mặc thì một lần tụng mà dùng)

_若著上依

Nhược trước Thượng Y

當願衆生

Đương nguyện chúng sinh

獲勝善根

Hoạch thắng thiện căn

至法彼岸

Chí Pháp bỉ ngạn

_ *Nếu mặc áo bên trên*

*Nên nguyện cho chúng sinh
Được căn lành thù thắng
Đến bờ kia của Pháp*

— 著下裙時
Trước Hạ Quần thời
當願衆生
Đương nguyện chúng sinh
服諸善根
Phục chư thiện căn
具足慚愧
Cụ túc Tàm Quý
— *Khi mặc quần bên dưới
Nên nguyện cho chúng sinh
Khoác mặc các căn lành
Đủ hổ thẹn, hối lỗi*

— 整依束帶
Chỉnh y thúc đới
當願衆生
Đương Nguyện chúng sinh
撿束善根
Kiểm thúc thiện căn
不令散失
Bất linh tán thất
— *Lúc sửa áo, buộc đai
Nên nguyện cho chúng sinh
Kiểm điểm, cột căn lành
Chẳng khiến cho tan mất*

XUỐNG GIƯỜNG

(Kêu lên, chỉ ba lần xuống bên dưới, ngâm niệm **Kệ Chú** này)

從朝寅旦直至暮
Tùng triều Dần dần trực chí mộ
一切衆生自廻護
Nhất thiết chúng sinh tự hồi hộ
若於足下喪其形
Nhược ư túc hạ táng kỳ hình
願汝即時生淨土
Nguyện nhữ tức thời sinh Tịnh Thổ
唵逸帝律尼莎訶(三徧)
Án, dật đế luật ni, toa ha (tam biến)

Sáng sớm, giờ Dần cho đến tối
Tất cả chúng sinh tự tránh, giữ
Nếu dưới bàn chân, mất thân mạng
Nguyện người tức thời sinh Tịnh Thổ

唵 嚩 嚩 囉 嚩 囉 嚩 囉

Oṃ juṣṭi rūḍhi svāhā (3 lần)

[**Oṃ**: Nhiếp triệu

juṣṭi: hô gấp rút, nơi hy vọng để, vui vẻ...để

rūḍhi: sinh trưởng

svāhā: thành tựu tốt lành]

BƯỚC ĐI CHẴNG GÂY HẠI CHO CÔN TRÙNG

若舉於足

Nhược cử ư túc

當願衆生

Đương nguyện chúng sinh

出生死海

Xuất **sinh tử** hải

具衆善法

Cụ chúng Thiện Pháp

唵。地利日利莎訶(三徧)

Ān, địa lợi nhật lợi, toa ha (tam biên)

Nếu nhắc chân bước đi

Nên nguyện cho chúng sinh

Rời khỏi biển Sinh Tử

Đầy đủ mọi Pháp lành

唵 嚩 嚩 囉 嚩 囉 嚩 囉

Oṃ dhīri jrī svāhā (3 lần)

[**Oṃ**: Nhiếp triệu

Dhīri: An định, dững mãnh, dững kiện, tâm quyết định

Jrī: tiêu hoá, biến hoá

Svāhā: thành tựu tốt lành]

RA KHỎI NHÀ

從舍出時

Tùng xá xuất thời

當願衆生

Đương nguyện chúng sinh

深入佛智

Thâm nhập Phật Trí

永出三界

Vĩnh xuất Tam Giới

Lúc từ nhà đi ra

Nên nguyện cho chúng sinh

*Vào sâu trong Phật Trí
Rời khỏi hẳn ba cõi*

VÀO NHÀ CẦU

(Muốn đi cầu, đi tiểu liền nên đi, chẳng đợi đến lúc bị bức bách mà vội vàng hấp tấp. Nên cởi giày dép ra, chẳng thể đi giày dép sạch vào nhà cầu, đến rồi nên búng ngón tay ba lần, có hai nghĩa

1_ Khiến người ở bên trong biết, chẳng được thúc dục người bên trong đi ra ngoài.

2_ Khủng bố loài Quỷ ăn thứ ô uế, khiến cho chúng lánh đi.

Trên cái rãnh nước, lại nên búng ngón tay ba lần, ngâm niệm **Kệ Chú** này)

大小便時

Đại tiểu tiện thời

當願衆生

Đương nguyện chúng sinh

棄貪嗔癡

Khí tham sân si

蠲除罪法

Quyên trừ Tội Pháp

唵 狠魯陀耶莎訶(三徧)

Án, ngận lỗ đà gia, toa ha (tam biến)

_ Khi đi tiểu, đi cầu

Nên nguyện cho chúng sinh

Vứt bỏ Tham Sân Si

Trừ khử Pháp gây tội

ॐ 𑖀𑖡𑖣 𑖤𑖥

Oṃ krodhāya svāhā (3 lần)

[Oṃ: Nhiếp triệu

Krodhāya: phần nộ

Svāhā: thành tựu tốt lành]

RỬA RÁY SẠCH SẼ

(Đi tiểu, đi cầu xong rồi, đến chỗ để nước liền niệm **Kệ Chú** này)

事訖就水

Sự ngật tựu thủy

當願衆生

Đương nguyện chúng sinh

出世法中

Xuất Thế Pháp trung

速疾而往

Tốc tạt nhi vãng

唵。室利婆醯莎訶(三徧)

Án, thất lợi bà ê, toa ha (tam biến)

_ Việc xong, tiếp đến nước

*Nên nguyện cho chúng sinh
Ở trong Pháp Xuất Thế
Mau chóng được đi đến*

唵 唎 嚩 訶 嚩 訶

Om śrī vahi svāhā (3 lần)

[**Om**; nhiếp triệu

Śrī: tốt lành, cát tường

vahi: tên một loài Pisāca, tức quỷ ở nhà cầu

svāhā: thành tựu tốt lành

TRỪ BỎ SỰ DƠ BẨN

洗滌形穢

Tẩy dích hình uế

當願衆生

Đương nguyện chúng sinh

清淨調柔

Thanh tịnh điều nhu

畢竟無垢

Tất cánh vô cầu

唵。賀曩密栗帝莎訶(三徧。用左手後二指洗之)

Án, hạ năng, mật lật đế, toa ha (tam biến 。 dụng tả thủ hậu nhị chỉ tẩy chi)

-Rửa sạch thân dơ bẩn

Nên nguyện cho chúng sinh

Trong sạch, khéo nhu thuận

Rốt ráo không có dơ

唵 訶 訶 唎 嚩 訶

Om hāna mṛte svāhā (3 lần. Dùng hai ngón tay cuối của bàn tay trái mà rửa ráy)

[**Om**: Nhiếp triệu

Hāna: buông bỏ đi, vứt bỏ, chặt đứt niệm, ngưng nghỉ, diệt

mṛte: sự chết chóc

svāhā: quyết định thành tựu]

RỬA BÀN TAY

以水盥掌

Dĩ thủy quán chưởng

當願衆生

Đương nguyện chúng sinh

得清淨手

Đắc thanh tịnh thủ

受持佛法

Thọ trì Phật Pháp

唵。主迦囉耶莎訶(三徧)

Án, chủ ca la gia, toa ha (tam biên)

_ Dùng nước rửa lòng tay

Nên nguyện cho chúng sinh

Được bàn tay trong sạch

Nhận giữ gìn Phật Pháp

ॐ 蘇 訶 耶 莎 訶

Oṃ sukarāya svāhā (3 lần)

[**Oṃ**: Nhiếp triệu]

Sukarāya: Thiện Thủ đấng, những bàn tay khéo léo

Svāhā: Quyết định thành tựu]

(Nếu chỉ đi tiểu thời chỉ dùng nước rửa tay một lần, tiếp theo liền sạch sẽ. Nếu đi cầu, khử trừ ô uế thì sau khi rửa tay, hoặc dùng tro, bùn, góc của cục xà phòng... như Pháp mà tẩy rửa

Khê Đường Tạng Lục ghi rằng:

“Trong năm **Nguyên Hữu** có vị Tăng nước Thục là Pháp Sư **Trí Siêu** thường tụng Kinh **Hoa Nghiêm** đã 30 năm, tình cờ thấy một Đồng Tử có phong mạo trong sáng, nâng cao bàn tay vái chào.

Thầy **Siêu** hỏi: “Từ đâu đến?”

Đáp: “Từ **Ngũ Đài** đến”

Thầy **Siêu** nói: “Vì sao từ chốn xa xôi lại đến nơi này?”

Đáp: “Có chút việc muốn cùng nói Đạo Lý”

Thầy **Siêu** nói: “Nguyện nghe”

Nói rằng: “Thầy của tôi tụng Kinh cho nên có thể tốt đẹp. Có điều vương lỗi ngay lúc rửa ráy tại nhà cầu, nước dơ ngấm vào lưng bàn tay mà chưa từng dùng tro bùn tẩy rửa. Cách dùng tro bùn, Luật Chế bảy mức độ, nay chỉ còn hai, ba... Duyên với sự tiếp chạm này còn có, nên lễ Phật, tụng Kinh thầy đều bị tội”

Nói xong liền chẳng nhìn thấy. Thầy **Siêu** tủi thẹn rồi sửa chữa lỗi lầm.

Người hiểu biết nói rằng: “Đây ắt là **Văn Thù** hoá hiện đến nhắc nhở cho Thầy **Siêu** vậy. Cho nên biết, tẩy rửa tay đều nên y theo Pháp”

Kinh Nhân Quả nói rằng: “*Tay đã tiếp chạm với vật dơ mà lại thỉnh Kinh, sẽ bị báo ứng làm loài trùng trong nhà cầu*”

RỬA MẶT SẠCH SẼ

以水洗面

Dĩ thủy tẩy diện

當願衆生

Đương nguyện chúng sinh

得淨法門

Đắc Tịnh Pháp Môn

永無垢染

Vĩnh vô cấu nhiễm

唵。嚩 莎 訶(默持二十一徧)

Án, lam, toa ha (mặc trì nhị thập nhất biên)

_ Khi dùng nước rửa mặt

*Nên nguyện cho chúng sinh
Được Pháp Môn trong sạch
Vĩnh viễn không nhiễm dơ*

唵 嚩 瑟 致

Oṃ Raṃ svāhā (ngâm trì 21 biến)

[**Oṃ** Nhiếp triệu

Raṃ: Chủng tử biểu thị cho lửa Trí Tuệ thiêu đốt sạch tất cả dơ ám

Svāhā: quyết định thành tựu]

UỐNG NƯỚC

佛觀一鉢水

Phật quán nhất bát thủy

八萬四千蟲

Bát vạn tứ thiên trùng

若不持此咒

Nhược bất trì thử chú

如食衆生肉

Như thực chúng sinh nhục

唵。嚩悉波囉摩尼莎訶(三徧)

Ān, phộc tất, ba ra ma ni, toa ha (tam biến)

_ Phật quán một bát nước

Tám vạn bốn ngàn Trùng

Nếu chẳng trì Chú này

Như ăn thịt chúng sinh

唵 嚩 瑟 致

Oṃ vaśi pramaṇi svāhā (3 lần)

[**Oṃ**: Cảnh giác

Vaśi: hiểu thấu

pramaṇi: viên ngọc như ý thắng thượng

svāhā: thành tựu tốt lành]

ÁO NĂM ĐIỀU

(Tiếng Phạn **An Đà Hội** (Antarvāsa), đây nói là **Tác Vụ Y, Ngũ Điều** (áo cà sa năm điều) một dài, một ngắn. Phạm làm công việc nặng nhọc, phục dịch trong chùa, đi đường ra vào đến về...nên mặc áo này, tụng **Kệ Chú** này.

Kinh **Giới Đàn** nói rằng: “**Ngũ Điều** biểu thị cho sự chặt đứt Tham, tịnh Thân Nghiệp vậy)

善哉解脫服

Thiện tai giải thoát phục

無上福田衣

Vô thượng phước điền y

我今頂戴受

Ngã kim đỉnh đại thọ

世世不捨離
Thế thế bất xả ly

唵。悉陀耶莎訶(三徧)

Án, tát đà gia, toa ha (tam biến)

*Lành thay! Áo giải thoát
Áo ruộng phước vô thượng
Nay con đội đầu, nhận
Đời đời chẳng buông lia*

ॐ (सिद्धयै स्वहा)

Oṃ siddhāya svāhā (3 lần)

[**Oṃ**: Nhiếp triệu

Siddhāya: thành tựu đấng, nhóm thành tựu

Svāhā: thành tựu tốt lành]

ÁO BẢY ĐIỀU

(Tiếng Phạn là **Uất Đa La Tăng** (Uttarāsaṅga), đây nói là **Nhập Chúng Y, Thất Điều** (áo bảy điều), hai dài một ngắn. Phạm khi dự Trai, nghe giảng, trì tụng, ngồi Thiền, lễ Phật, lễ Tháp, lễ Hoà Thượng Thượng Toạ, lúc Tăng hoà tập...thời nên mặc áo này, tụng **kệ Chú** này. **Thất Y** biểu thị cho sự chặt đứt Sân, tịnh Khẩu Nghiệp vậy)

善哉解脫服

Thiện tai giải thoát phục

無上福田衣

Vô thượng phước điền y

我今頂戴受

Ngã kim đỉnh đại thọ

世世常得披

Thế thế thường đắc phi

唵。度波度波莎訶(三徧)

Án, độ ba độ ba, toa ha (tam biến)

*Lành thay! Áo giải thoát
Áo ruộng phước vô thượng
Nay con đội đầu, nhận
Đời đời thường được mặc*

ॐ (धूपाय स्वहा)

Oṃ dhūpa dhūpa (đốt hương, rải hương) **svāhā** (3 lần)

[**Oṃ**: Nhiếp triệu

dhūpa dhūpa: đốt hương, rải hương

svāhā: thành tựu tốt lành]

ÁO KÉP

(Tiếng Phạn **Tăng Già Lê** (Saṅghātī), đây nói là **Tạp Toái Y**, có áo thuộc **chín Phẩm** Thượng Trung Hạ.

Phẩm **Hạ Hạ** là **Cửu Điều** (áo chín điều), Phẩm **hạ Trung** là áo 11 điều, Phẩm **Hạ Thượng** là áo 13 điều, đều là hai dài một ngắn.

Phẩm **Trung Hạ** là áo 15 điều, Phẩm **Trung Trung** là áo 17 điều, Phẩm **Trung Thượng** là áo 19 điều, đều là ba dài một ngắn

Phẩm **Thượng Hạ** là áo 21 điều, Phẩm **Thượng Trung** là áo 23 điều, Phẩm **Thượng Thượng** là áo 25 điều, đều là bốn dài một ngắn.

Dài nhiều ngắn ít biểu thị cho **Thánh tăng thêm, Phàm giảm bớt**.

Phàm lúc vào cung vua, lên Toà nói Pháp, vào làng xin thức ăn, giảng phục Ngoại Đạo thời nên mặc áo này, tụng **Kệ Chú** này, biểu thị cho sự chặt đứt **Si**, tịnh niềm vui của Ý (Ý lạc) vậy)

善哉解脫服

Thiện tai giải thoát phục

無上福田衣

Vô thượng phước điền y

奉持如來命

Phụng trì Như Lai mệnh

廣度諸衆生

Quảng độ chư chúng sinh

唵。摩訶婆波。吒悉帝莎訶(三徧)

Án, ma ha bà ba tra, tát đế, toa ha (tam biên)

Lành thay! Áo giải thoát

Áo ruộng phước vô thượng

Vâng giữ mệnh Như Lai

Rộng độ các chúng sinh

ॐ महारूपं (ॐ ह्रीं ह्रूं)

Om mahā bhappaṭa siddhi svāhā (3 lần)

[**Om**: Nhiếp triệu

mahā bhappaṭa: tên gọi của người dựng lập Thần điện

siddhi: thành tựu

svāhā: thành tựu tốt lành]

(Ba loại áo này được xưng là **ruộng Phước**.

Tăng Huy Ký nói rằng: “Thửa ruộng (50 mẫu) tích chứa nước khiến sinh trưởng mầm non, dùng nuôi hình mạng. Ruộng của áo Pháp thấm nhuận, dùng nước của bốn lợi, tăng thêm mầm non, dùng nuôi Tuệ Mệnh của **Pháp Thân** (Dharma-kāya)”

Kinh **Tạng Nghĩa** nói rằng: “**Cà Sa** có 10 loại lợi ích.

1_ Thượng Thủ của Bồ Đề

2_ Chúng ở Người, Trời

3_ Cha Mẹ vái lễ ngược lại

4_ Sư Tử buông bỏ thân

5_ Ròng nương tựa miễn nạn

6_ Quốc vương kính tin

7_ Chúng sinh lễ bái

8_ La Sát cung kính

9_ Trời Ròng ngậm hộ giúp

10_ Được thành Phật Đạo”

Lại Kinh **Bi Hoa** nói rằng: “Đức Phật ở trước mặt Đức **Bảo Tạng Phật** phát nguyện:

“*Nguyện lúc con thành Phật thời, áo Cà Sa có năm Công Đức*

1_ Vào trong Pháp của con mà phạm vào nhóm Tà Kiến nặng nề, nếu ở trong một niệm khởi Tâm cung kính tôn trọng, ắt được thọ ký **ba Thừa**

2_ Hàng Trời, Rồng, Quỷ...hay kính áo Cà Sa này chút phần, liền được chẳng thoái lui nơi **ba Thừa**

3_ Nếu có **Quý Thân**, các người được áo cà sa cho đến bốn tác (4 thốn) sẽ được thức ăn uống đầy đủ

4_ Chúng sinh trái ngược với nhau, nhớ áo Cà Sa thì lại sinh Tâm hiền lành (Từ Tâm)

5_ Nếu giữ gìn chút phần này, cung kính tôn trọng, thường được thắng người khác”

_ **Đại Luận** nói rằng: “**Thích Tử** thọ trì Giới cấm là Tinh ấy. Xuống tóc, mặc áo nhuộm sắc là Tướng ấy”

_ Trong **Tứ Phần Luận**: “Đức Phật bảo các Tỳ Khuru: Tùy theo nơi cư trú, thường ở cùng với ba loại áo. Ví như hái cánh của con chim luôn ở cùng với thân. Các ông đã buông bỏ tộc tính gốc, đã tin tưởng xuất gia, cần nên như vậy, đi đến chốn nào thì áo Pháp phải theo thân, chẳng nên lìa một đêm”

_ Trong **Tăng Kỳ Luật**: “Đức Phật nói: Vị Tỳ Khuru có ba áo, một bình bát, nên thường đem theo thân. Người trái ngược bị **Xuất Giới kết Tội**, nên kính ba loại áo như tướng cái Tháp”

_ Trong **Thập Tụng Luật**: “Đức Phật nói: Giữ gìn ba loại áo như da của mình, giữ gìn bình bát như con mắt của mình. Nơi đã đi đến, cùng ở chung với **áo bát**... không có lưu luyến ngó lại, giống như chim bay. Nếu chẳng giữ ba loại áo mà đi vào thôn ấp, chỗ của người tục thì bị phạm tội”

_ **Ngũ Phần Luật**: “Cẩn thận giữ gìn ba loại áo, như làn da mỏng manh của thân, thường nên đem theo thân như lông vũ của loài chim, bay nhảy cùng theo nhau”

_ Trong **Đại Thừa Phạm Võng Bồ Tát Giới**: “Đức Phật nói: Nếu Phật Tử thường ứng với hai thời **Đầu Đà**, mùa Đông mùa Hạ ngồi Thiền, kết Hạ an cư... thường dùng cành dương, Táo Đậu, ba loại áo, cái bình, cái bát, vật dụng để ngồi (toạ cụ), tích trượng, lò hương, túi lọc nước, khăn buộc đầu (thủ cân), con dao, bật lửa, vật dụng để nhổ lông tóc hoặc đến lấy vật nhỏ nhiệm (nhiếp tử), giường ngồi Thiền (Thằng sàng: pīṭha), Kinh, Luật, tượng Phật, hình tượng Bồ Tát...mà Bồ Tát lúc hành **Đầu Đà** với lúc du phương...đi đến trăm dặm, ngàn dặm thời 18 loại vật này thường theo thân ấy. Trái ngược lại bị kết tội. Ba áo, một bát chỉ có Phật Phật giữ bên thân, Tổ Tổ trao cho nhau, bầy Chúng đồng tuân theo, hai Thừa cùng chung Pháp Ché”

Nếu nói là Đệ Tử Phật đã xuất gia mà **áo, bát** có thể lìa thì hai cõi Đông Tây có quy tắc chẳng đồng. Thỉnh duyệt ba Tạng thì Kinh nào, Luật nào, Luận nào...bày như thế? Nên biết lời Phật nói, có thể tin. Phạm không có bằng chứng thì người có Trí Tuệ đừng nhiễm phong tục Tà, nên có sức tin tưởng bền chắc vậy)

NGOẠ CỤ

[ND: **Ngoạ Cụ** (śayanāsana): còn gọi là **Phu Cụ** chỉ giường phản, đệm chiếu, màn trướng, gối...]

(Tiếng Phạn **Ni Sur Đàn** (Niṣīdana, hay niṣadana) cũng gọi là **Tuỳ Toại Y, Sân Túc Y**...dài bằng hai **Cạch Thủ** (Vitasti: còn gọi là Trách Thủ, cự ly dài bằng ngón cái hoặc ngón giữa) rưỡi của Đức Phật, rộng bằng hai **Cạch Thủ** của Đức Phật.

_ **Tăng Kỳ Luật** nói rằng: “Một **Cạch Thủ** của Như Lai dài hai thước (nhị xích) bốn tấc (tứ thôn) [đơn vị đo lường của Trung Hoa]. Điều này quy ước với **Tiểu Xích** (thước nhỏ). Nếu dựa vào **Đại Xích** (thước lớn) thì có thể tính là hai thước (nhị xích) ...chẳng được làm ba loại áo. Chẳng được bỏ thí trong sạch (tịnh thí) với lấy cỏ mới chứa đầy vật mà tạp dùng, chỉ được trải ra ngồi. Nếu theo đường đi (đạo hành) đến chỗ ngồi thì lấy mà ngồi”

_ **Thập tụng Luật** nói rằng: “Điều mới (tân giả) có 2 việc coi trọng. Điều cũ (cổ giả) có bốn việc coi trọng. Chẳng nên nhận riêng **Ni Sur Đàn**.

_ Trong **Luật: Bản Chế Duyên Khởi** là **Thân**, là **áo**, là **Ngoạ Cự**.

_ **Sự Sao** ghi rằng: “Là **thân** vì sợ ngồi trên mặt đất thì có sự tổn hại. Tiếp đến là **áo** vì sợ không có chỗ nương dựa, **ba áo** dễ bị hoại. Là **ngoạ cự** vì sợ thân chẳng trong sạch, làm vấy bẩn giường phản của Tăng”

Cho nên **Luật** nói: “**Tân Ni Sur Đàn**, Điều xưa (cổ giả) **duyên** vào bốn bên làm loạn hình sắc ấy, nếu làm nên an **Duyên**”

_ **Ngũ Phần Luật** nói rằng: “Cắt làm ba phần, đầu dài dư một phần, yên định bốn góc, chẳng yên định liền ngưng. Trong **Căn Bản Luật** và **Ký Quy Truyền**: “*Chẳng nghe lễ bái thì dùng mở rộng ra*”. **Tây Vực Ngũ Thiên Trúc** hiếm có ai nhìn thấy văn này, Phương này (Trung Quốc) lễ bái mở rộng, chẳng biết truyền khởi lúc nào, như tuân theo **Thánh Chế**, chẳng dùng làm chính. Nếu luận là **áo**, mở rộng Lễ thì không có cách trình bày rõ ràng điều này, Học Giả tùy theo sự thích nghi ấy”

臥具尼師壇

Ngoạ cự ni sư đàn

長養心苗性

Trưởng dưỡng tâm miêu tính

展開登聖地

Triển khai đăng Thánh Địa

奉持如來命

Phụng trì Như Lai Mệnh

唵。檀波檀波莎訶(三徧)

Án, đàn ba đàn ba, toa ha (tam biến)

_ *Ngoạ cự, Ni Sur Đàn*

Nuôi lớn Tính mầm Tâm

Mở ra lên đất Thánh

Vâng giữ mệnh Như Lai

唵 𑖀𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

Om dāmbha dāmbha (làm điều tốt lành) **svāhā** (3 lần)

[**Om**: Nhiếp triệu

dāmbha dāmbha: làm điều tốt lành cho mình cho người khác

svāhā: thành tựu tốt lành]

LÊN ĐẠO TRƯỜNG

若得見佛

Nhược đắc kiến Phật

當願衆生

Đương nguyện chúng sinh

得無礙眼

Đắc vô ngại nhãn

見一切佛

Kiến nhất thiết Phật

唵。阿密栗帝吽發吒(三徧)

Án, a mật lật đế, hồng, phát tra (tam biến)

_ Nếu được nhìn thấy Phật

Nên nguyện cho chúng sinh

Được con mắt không ngại

Nhìn thấy tất cả Phật

唵 阿 密 栗 帝 吽 發 吒

Om Amṛte hūṃ phaṭ (3 lần)

[Om: Nhiếp triệu

Amṛte: Sự bất tử, nước Cam Lộ

hūṃ phaṭ: khủng bố phá bại mọi sự chướng ngại]

CA NGỢI ĐỨC PHẬT

法王無上尊

Pháp Vương Vô Thượng Tôn

三界無倫匹

Tam giới vô luân thất

天人之道師

Thiên Nhân chi Đạo Sư

四生之慈父

Tứ Sinh chi Từ Phụ

我今暫皈依

Ngã kim tạm quy y

能滅三祇業

Năng diệt tam kỳ nghiệp

稱揚若讚嘆

Xưng dương nhược tán thán

億劫莫能盡

Ức kiếp mạc năng tận

*_ Đấng **Pháp Vương** vô thượng*

Ba cõi không ai bằng

Đạo Sư của Trời Người

Cha lành của bốn loài

Nay con tạm Quy Y

Hay diệt ba Nghiệp bèn

Xưng tụng hoặc ca ngợi

Dứt ức kiếp chẳng hết

LỄ PHẬT

天上天下無如佛
Thiên thượng thiên hạ vô như Phật
十方世界亦無比
Thập phương Thế Giới diệc vô tỷ
世間所有我盡見
Thế Gian sở hữu ngã tận kiến
一切無有如佛者
Nhất thiết vô hữu như Phật Giả
Trên Trời dưới Trời không như Phật
Mười phương Thế Giới cũng khôn sánh
Thế Gian, hết thấy con nhìn khắp
Tất cả không có ai như Phật

CHÂN NGÔN LỄ KHẮP CẢ

唵。嚩日囉斛

Án, phộc nhật la, hộc

ॐ 𑖀 𑖄 𑖆

Oṃ vajra hoḥ

[Oṃ: quy mệnh

Vajra: Kim Cương

hoḥ: vui vẻ]

(Ba lần Tán, ba lần lễ, nên tinh thành tác **Quán**, cúi năm vóc sát đất. **Giáo** (sāstra) liệt kê 7 loại **Lễ**, chẳng thể chẳng biết

1_ **Ngã Mạn Lễ**: là y theo địa vị thứ tự, đã không có cung kính, Tâm chạy theo cảnh bên ngoài, năm **Luân** chẳng đủ, lên xuống như cái chày giã gạo.

2_ **Xương Hoà Lễ**: là Uy Nghi thiếu sự ngay ngắn, Tâm không có tướng trong sạch. Nhìn thấy người thì thân lạnh chanh vội vã lễ, người đi rồi thì thân rơi vào Tâm mệt mỏi. Tâm thì phân tán mà miệng thì hát xướng.

3_ **Thân Tâm Cung Kính Lễ**: Nghe xướng tên Phật liền niệm, tưởng Phật, thân tâm cung kính không có lười chán.

4_ **Phát Trí Thanh Tịnh Lễ**: là đạt được cảnh giới của Phật, tùy theo Tâm hiện số lượng, lễ một Phật tức lễ tất cả Phật, lễ một bái tức lễ Pháp Giới, dùng Phật Pháp mà thân được dung thông.

5_ **Biến Nhập Pháp Giới Lễ**: là tự quán Pháp của nhóm Thân Tâm từ xưa đến nay, chẳng lìa Pháp Giới, **Phật Ta** bình đẳng. Nay lễ một Phật tức lễ khắp chư Phật trong Pháp Giới.

6_ **Chính Quán Lễ**: là lễ Phật của mình, chẳng duyên theo Phật khác. Tại sao thế? Vì tất cả chúng sinh đều có **Phật Tính** (Buddhatā), Chính Giác bình đẳng.

7_ **Thật Tướng Bình Đẳng Lễ**: là lúc trước có Lễ có Quán, Ta Người là hai việc khác nhau. Nay một lễ này, không có Ta không có người, *Phàm Thánh nhất như*, lễ dùng chẳng hai. Cho nên Ngài **Văn Thù** nói rằng: “*Người lễ, nơi lễ **Tính** rộng lặng*”. Trước đây có ba việc quy ước, sau này có bốn điều để được Lý

Trong Kinh **Đại Phương Quảng Bảo Khiếp**:

Trí Đăng Thanh Văn hỏi **Văn Thù** rằng: “Lễ Phật như thế nào?”

Văn Thù đáp: “Nếu thấy Pháp trong sạch thì gọi là thấy Phật trong sạch. Nếu Thân, nếu Tâm chẳng thấp chẳng cao, chính trực mà trụ, chẳng động chẳng lay. Tâm ấy vắng lặng, hành Hạnh vắng lặng thì đây gọi là **lễ Phật**?. Tỳ Khuru chẳng được để lộ vai bên phải (thông kiên) mặc áo Cà Sa lễ Phật, khi chết bị rơi vào Địa Ngục **Thiết Giáp**, trừ lúc ngồi Thiền, thọ Thực thì để lộ vai phải, chẳng bị phạm lỗi. Tỳ Khuru chẳng được khoác **Thiền Y** lễ Phật, tụng Kinh, đi Kinh Hành với lễ bậc **Tôn Túc**, đi trước mặt Thánh Điện... Khi chết biến thành loài *Ba Ba, cá, rùa, con giải* (hay con Ba Ba)... với chẳng được che trùm đầu, nên để lộ đỉnh đầu. Người làm trái ngược sẽ bị kết tội, chỉ trừ lúc bệnh, lúc rất lạnh. Phạm người Chính Tín xuất gia thọ Giới cần phải cẩn thận vậy”

CÚNG TỊNH BÌNH

(Tiếng Phạn **Quân Trì** (Kuṇḍali) nói là *cái bình*).

Ký Quy nói rằng: “**Quân Trì** có hai loại. Loại thứ nhất bằng sành sứ là **Tịnh Dụng** (dùng chứa nước sạch), loại thứ hai bằng đồng sắt là **Xúc Dụng** (dùng chứa nước để đi vệ sinh)”.

Nay đã nói rõ là **Tịnh Bình** vậy. Tỳ Khuru mỗi ngày vào lúc sáng sớm, tụng Kinh Chú xong, dùng cái Tịnh Bình chứa đầy nước sạch, cúng ở trước mặt tượng Phật Bồ Tát. Lúc muốn cần bình chứa nước thì nên quán tưởng tôn dung của Phật Bồ Tát, đầy đủ Nghi, làm lễ, đứng dậy xong thì lấy cái bình, ngậm trì **Kệ Chú** này).

手執淨瓶

thủ chấp tịnh bình

當願眾生

đương nguyện chúng sanh

內外無垢

nội ngoại vô cầu

悉令光潔

tất lệnh quang khiết

唵。勢伽嚕迦叱。(羊*舍)叱莎訶(三徧)

Án, thế giã lô ca sát hàm sát, toa ha (tam biến)

— Tay cầm giữ Tịnh Bình

Nên nguyện cho chúng sinh

Trong, ngoài không có dơ

Đều khiến cho sáng sạch

唵 𑖀𑖦𑖫𑖞 𑖀𑖦𑖫𑖞 𑖀𑖦𑖫𑖞

Om Śigruka śikṣā svāhā (3 lần)

[Om: nhiếp triệu

Śigruka: tên một dân tộc

śikṣā: Tri Thức của..., giáo thọ, tịnh giới, sở học, học xứ

svāhā: thành tựu tốt lành]

CHÂN NGÔN RỬA SẠCH TỊNH BÌNH

(Đã lễ Phật rồi đứng dậy, cầm cái bình trống rỗng đến chỗ có nước sạch, tay trái vén áo, tay phải cầm cái bình, từ từ trước hết lấy nước rửa sạch ba lần, mỗi lần tụng Chú này 7 biến. Nước trong cái bình được rửa sạch ấy đã dùng, dùng rót nước sạch vào bên trong, cần phải đổ bỏ nước cũ ra bên ngoài)

唵。嚩莎訶(二十一徧)

Án, lam, toa ha (nhị thập nhất biến)

ॐ ऽ ल म त्वा हा

Oṃ Raṃ svāhā (21 lần)

[**Oṃ** Nhiếp triệu

Raṃ: Chung tử biểu thị cho lửa Trí Tuệ thiêu đốt sạch tất cả dơ ám

Svāhā: quyết định thành tựu]

CHÂN NGÔN RÓT NƯỚC

(Đã rửa sạch xong, sạch sẽ không có bụi thì rót đầy nước sạch, ngậm trì Chú này)

唵。嚩悉鉢囉摩尼莎訶(三徧)

Án, phộc tát, bát la ma ni, toa ha (tam biến)

ॐ व स प त्वा म न इ हा

Oṃ vaśi pramaṇi svāhā (3 lần)

[**Oṃ**: Cảnh giác

Vaśi: hiểu thấu

pramaṇi: viên ngọc như ý thắng thượng

svāhā: thành tựu tốt lành]

(Đến trước mặt Phật, quỳ gối. Tay trái cầm cái bình, tay phải tác **Phổ Cúng Đường Án**, niệm Chú **Đại Bi** 7 biến, lễ bái rồi lui ra. Gần đến Hoàng Hôn thì lấy nước ra, kết Án đồng với lúc trước, trước hết niệm Chú **Đại Bi** 7 biến; **Tâm Kinh**, Chú **Vãng Sinh** đều 7 biến rồi đi ra ngoài rải nước xuống đất sạch, tay tác **Cam Lộ Án Pháp**, miệng ngậm niệm **Cam Lộ Chân Ngôn**)

曩謨蘇嚕婆耶。怛他識多耶。怛姪他。唵。蘇嚕蘇嚕。鉢囉蘇嚕。鉢囉蘇嚕。

嚕。娑婆訶(三徧)

Năng mô tô lô bà gia, đát tha nga đa gia, đát diệt tha, án, tô lô tô lô, bát la tô lô, bát la tô lô, sa bà ha (tam biến)

ॐ सु रू प य त्वा म न इ हा ॐ सु रू सु रू प सु रू प सु रू सु रू

Namo Surūpaya tathāgatāya_ Tadyathā: Oṃ_ suru suru _ prasuru prasuru _ svāhā (3 lần)

[**Namo Surūpaya tathāgatāya**: Quy mệnh Diệu Sắc Thân Như Lai

Tadyathā: Như vậy, liền nói Chú là

Oṃ: Nhiếp triệu

suru suru: ban rải nước Cam Lộ cho ta và người

prasuru prasuru: Ban rải nước Cam Lộ thắng thượng cho ta và người

svāhā: quyết định thành tựu]

(Lúc niệm thời tưởng cái bình là cái bình Như Ý tuôn ra mọi loại thức ăn uống. Trước tiên là chư Thiên, tiếp đến Quý Thần, cuối cùng là Quý đỏi, súc sinh đều được

no đủ. Lại tưởng cái bình tuôn ra lầu gác, cung điện, châu báu, chuỗi Anh Lạc, dù lọng, hương, hoa, quần áo...không có thứ gì chẳng đầy đủ. Sau đó nói Pháp **12 Nhân Duyên**, trao truyền **Tam Quy** cho các hàng ấy, khiến cho nghe Pháp thọ nhận Quy Y, được **Pháp Hỷ Tam Muội**, lễ bái rồi lui ra).

THỌ THỰC (tức khi ăn)

(Tỳ Khuru lúc Thọ Thực, ngồi Kiết Già, trải khăn đựng thức ăn trên đầu gối. Sợ com, canh, rau...rơi vào áo Cà Sa. Lúc thỉnh Bát thời, ngâm niệm **Kệ** này)

若見空鉢

nhược kiến không bát

當願眾生

đương nguyện chúng sinh

究竟清淨

cứu cánh thanh tịnh

空無煩惱

không vô phiền não

_ Nếu thấy bát trống rỗng

Nên nguyện cho chúng sinh

Rốt ráo đều thanh tịnh

Trống rỗng, không phiền não

(Tiếng Phạn **Bát Đa La** (Patra) đây là **Ứng Lượng Khí** (bát đựng thức ăn đúng theo Pháp). Trong **Luật** chẳng nghe nói Tỳ Khuru lưu dùng bình bát thuộc nhóm: vật báu tạp, đồng, hợp kim chì pha thiếc, gỗ, đá...Chủ yếu chỉ có hai loại: một là *bùn*, hai là *sắt* vậy.

_ Tăng Chi Luật nói rằng: “*Bát là vật khí của người xuất gia, ít ham muốn, biết đủ, chẳng phải là chỗ thích nghi của người Tục*”

_ Thập tụng Luật nói rằng: “*Bát là tiêu chí của chư Phật, chẳng được dùng vào việc xấu (ác dụng) với rửa tay, thận trọng như giữ con mắt của mình*”

_ Ngũ Phần Luật nói rằng: “*Đức Phật tự mình làm chén bát, dùng làm khuôn mẫu sau này*”

_ Lại Pháp Chẩn Sao nói rằng: “*Vật khí của Ứng Pháp là : **Thế, Sắc, Lượng**... ba điều này thấy đều cùng với Pháp tương ứng.*

***Thế** có hai loại là Bùn với Sắt.*

***Sắc** thì dùng **Ma Tử, Hạnh Nhân** đâm giã nghiền nát rồi xoa bôi bên ngoài bên trong vật ấy, dùng khói của cây trúc xông ướp sửa trị. Xông ướp làm thành màu cổ của con chim Tu Hú, con chim Chìa Vôì, màu của con công. Điều được xông ướp là gì? Trời mùa hạ có đầy dẫy vật chẳng bị rỉ sét, chẳng nhiễm chất béo dơ bẩn. Có công dụng này cho nên xông ướp sửa trị*

***Lượng** chia làm Thượng, Trung, Hạ. Nếu dựa theo cái Đâu của đời Đường thì **Thượng Bát** chứa được một Đâu, **Trung Bát** chứa được bảy Thặng rưỡi (**Thặng** là một phần mười của **Đâu**), **Hạ Bát** chứa được năm Thặng...cho nên gọi là **Ứng Lượng Khí**”*

_ Đạt Quán Đại Sư nói rằng: “*Cái Bát là vật khí phụ giúp cho Tam Bảo, có đầy đủ sáu Đức. Làm sao biết rõ cái Bát ấy phụ giúp cho Tam Bảo ? Bởi vì sự nhỏ nhiệm, điều này tức là vị Tăng mà không có chỗ nương nhờ (nghĩa là cái địa vị nhờ tích lũy*

dần mà cao dần mãi lên) tức **Tuệ Mệnh** bị đứt đoạn, **Tuệ Mệnh** bị đứt đoạn tức **Phật Chung** (mâm giống của Phật) bị diệt. Cái bát ấy thật ra hay trong sạch (thanh), hay dung chứa (dung), hay tiết kiệm (kiệm), hay rộng rãi (quảng), hay cao quý (Tôn), hay cổ xưa (cổ). Tức là nói sáu Đức vậy.

Cổ Xưa là do Đức Phật trao truyền. **Caο quý** là do chư Thiên dâng hiến. **Rộng rãi** tức là lợi cho khắp tất cả. **Tiết kiệm** tức là quá giờ Ngọ chẳng ăn. **Dung chứa** tức là cho nhận **Tinh Thô** mà Phước Lợi bình đẳng. **Trong sạch** tức là nuôi dưỡng đời, chẳng nề đem loại thức ăn có chất cay nồng hay thức ăn mặn (huân) vứt bỏ đi. Như vậy cho nên chúng ta dám chẳng bảo trọng ư?!

Lúc chứa đầy cơm thời ngâm niệm **Kệ** này)

若見滿鉢

nhược kiến mãn bát

當願眾生

đương nguyện chúng sinh

具足盛滿

cụ túc thịnh mãn

一切善法

nhất thiết thiện pháp

— Nếu thấy bát tràn đầy

Nên nguyện cho chúng sinh

Đầy đủ chứa trọn vẹn

Tất cả các Pháp lành

(Lúc niệm cúng dường thời dùng bàn tay phải tựa vào cái Bát nâng đỡ duyên Tướng, ngăn che hơi tiếp chạm (xúc khí). Bàn tay trái cầm cái Bát ngang lông mày, để cái bát cái muống hướng ra bên ngoài, **Văn cúng** chiếu soi. Ngay lúc niệm xong, để cái bát cao lên. **Xuất Sinh** (hay **sinh Phạn**, tức là trích phần thức ăn cho chúng sinh) dùng cái muống lấy bảy hạt cơm, bề mặt chẳng hơn một tấc (thốn). Tay trái đem ngón cái vịn ngón vô danh tác **Cam Lộ Ấn**, ngâm niệm **Kệ** này)

XUẤT SINH

(**Nhất Hương Truyện** nói rằng: “Ăn sáng, niệm súc Pháp chẳng thể nghĩ bàn. Ăn giữa trưa, niệm Đại Bằng Kim Xí Điều. Dùng Lý nhường cho, không kể là ăn sáng (tảo thực), ăn một bữa (tiểu thực), ăn giữa trưa (ngộ thực). Phàm niệm **Cúng Dường Xuất Sinh** đều nên kèm trì hai bài Kệ, kham hợp với ý lúc đầu (bản chỉ), nếu không tức sợ lạc vào Biên Kiến, bị rơi vào **Phi Pháp** vậy)

法力不思議

pháp lực bất tư nghị

慈悲無障礙

tỳ bi vô chướng ngại

七粒徧十方

thất lập biền thập phương

普施周沙界

phổ thí châu sa giới

*Sức Pháp khó nghĩ bàn
Từ Bi không lường ngại
Bảy hạt tràn mười phương
Cho khắp, vòng Sa Giới*

(Đem cơm trong cái muỗng, giao cho Thị Giả đưa đi. Hướng cái muỗng vào phía bên trong, ngâm niệm Chú rằng)

唵。度利益莎訶(念呪三徧。彈指三下)

Án, độ lợi ích, toa ha (niệm chú tam biến 。 đàn chỉ tam hạ)

ॐ 唵 ॐ ॐ

Om Trhyim svāhā (niệm Chú 3 lần, búng ngón tay hướng xuống dưới ba lần)

[**Om**: Nhiếp triệu

Trhyim Tự ngã an ổn trong sự cứu độ]

Svāhā: quyết định thành tựu]

大鵬金翅鳥

Đại bàng kim-sí điều

曠野鬼神眾

khoáng dã quỷ thần chúng

羅刹鬼子母

La-sát Quỷ tử mẫu

甘露悉充滿

cam lồ tất sung mãn

唵。穆帝莎訶(念呪三徧。彈指三下)

Án, mục đế, toa ha (niệm chú tam biến 。 đàn chỉ tam hạ)

*Đại Bàng Kim Xí Điều
Chúng Quỷ Thần khoáng dã
La Sát, Quỷ Tử Mẫu
Đều tràn đầy Cam Lồ*

ॐ 唵 ॐ ॐ

Om mukti svāhā (niệm Chú 3 lần, búng ngón tay hướng xuống dưới ba lần)

[**Om**: Nhiếp triệu

Mukti: giải thoát

Svāhā: quyết định thành tựu]

(Lúc này, mỗi khi nhìn thấy thì dùng Chỉ Án biểu dụ cho núi Tu Di, đem thức ăn nhiều vòng quanh một lúc. Hoặc lại nhiều xong, lật lại chuyển Thủ Án. Mọi loại bộ dạng phỏng theo việc làm nên khảo xét Kinh Luật, chẳng đưa ra Điển Chương, hoàn toàn mất Uy Nghi, Nếu luận lý, chỉ dùng tay trái kết Án, tay phải đưa thức ăn ra, trong miệng ngâm tụng Kệ Chú. Đây là điều chính của việc ấy vậy.

Chiếu theo **Nam Hải Ký Quy** nói rằng: “Tăng chúng ở Tây Vực đến dự nơi cúng thọ thực thì bên trên bày chỗ ngồi của Thánh Tăng, bên cạnh bày một cái bàn tròn

nhỏ, an một cái chậu, cúng **Quý Tử Mẫu** (Hārītī). Phạm lúc **Hành Thực** thời trước tiên cúng Thánh Tăng, tiếp đến cúng Đại Chúng hiện tiền, sau cùng cúng cho Quý Tử Mẫu ăn. Không có mỗi lúc đều Chế ra **Xuất Sinh**”

Nay thuận theo Nghi xưa ở Đông Thổ, tuy mỗi lúc đều Xuất Sinh, chỉ chẳng thể nói *mọi loại bộ dạng phỏng theo việc làm vậy*)

THỊ GIẢ ĐƯA THỨC ĂN

汝等鬼神眾

nhữ đẳng quỷ thần chúng

我今施汝供

ngã kim thí nhữ cúng

此食徧十方

thử thực biền thập phương

一切鬼神共

nhất thiết quỷ thần cộng

唵。穆力陵莎訶(三徧。侍者送食回。維那唱僧跋云)

Án, mục lực lãng, toa ha (tam biền 。 thị giả tống thực hồi 。 duy na xướng tăng bạt vân)

_ Các ngươi ! Chúng Quý Thần

Nay Ta cúng cho ngươi

Thức này tràn mười phương

Mọi Quý Thần cùng hưởng

ॐ 𑖀𑖡𑖛𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤

Om_Mulālin svāhā

[Om: Nhiếp triệu

Mulālin: một loại hoa sen ăn được

Svāhā: thành tựu tốt lành]

_ Đức Phật dạy Tỳ Khuru

Khi ăn, giữ năm Quán

Nếu tán Tâm, nói chuyện

Của Tín Thí khó tiêu

Đại Chúng nghe tiếng Khánh

Thầy đều nên Chính Niệm

(Trong **Luật** Đức Phật dạy chúng Tăng lúc *thọ thực* thì xướng **Tăng Bạt**. Nhân vì **Ngoại Đạo** thỉnh Đức Phật với Tăng, đã ngầm bỏ thuốc độc ở trong thức ăn, Đức Phật khiến chư Tăng cùng một lúc xướng rằng **Tam Bạt La Già Đa** (Sambhāra-gata: Tư Lương giúp cho vượt qua) thì hết thầy thuốc độc đều biến thành vị thức ăn ngon ngọt thượng diệu nên Chúng ăn vào sẽ được an vui, miễn trừ chất độc gây hại.

Nói **Tăng Bạt** thì **Tăng** (Saṃgha) tức là chúng Tăng thọ thực, **Bạt** tức là Chú bí mật đã được xướng lên. Tiếng Phạn **Tam Bạt La Già Đa** (Sambhāra-gata: Tư Lương giúp cho vượt qua), đây nói là **Đẳng Cúng**, tức nói chúng Tăng ăn đều bình đẳng. Lại nói là **Thiện Chí** (Khéo đến) tức nói vật cúng khéo thành, khi ăn thì lại đến.

Nay phương này (Trung Hoa) xưng **năm Quán** khiến cho Chúng một lòng thọ thực mà làm **Tăng Bạt**. Một là không bị chất độc của Ngoại Đạo gây hại, hai là khiến cho người biết hổ trên (tâm quý) khi thọ nhận thức ăn. Điều đây tuy chẳng phải là Pháp Chế chính, nhưng được lưu hành phổ thông trong nước **Đông Hạ**)

執持應器

chấp trì ung khí

當願眾生

đương nguyện chúng sanh

成就法器

thành tựu pháp khí

受天人供

thọ Thiên Nhân cúng

唵。枳哩枳哩。嚩日囉吽發吒(三遍)

Án, chỉ lý chỉ lý, phộc nhật la, hồng phát tra (tam biến)

*_ Cầm giữ vật **Ứng Khí***

Nên nguyện cho chúng sinh

*Thành tựu được **Pháp Khí***

Nhận Người, Trời cúng dường

唵 嚩 囉 嚩 囉 嚩 囉 嚩 囉 嚩 囉

Om kili kili vajra hūm phat (3 lần)

[**Om**: Nhiếp triệu

kili kili: Găm chặt, giết chết

vajra hūm phat: Kim Cương khùng bố phá bại]

Nâng cái bát ngang ngực *thọ thực*, múc ba muống có thứ lớp.

*_ Muống đầu tiên: **Nguyện chặt tất cả điều Ác***

*_ Muống thứ hai: **Nguyện tu tất cả điều lành***

*_ Muống thứ ba: **Thề cứu độ tất cả chúng sinh***

Như vậy Hành Giả nương theo sức Chú Nguyện này hơn hẳn Hà sa bảy báu, thức ăn uống có trăm mùi vị, cúng dường chư Phật, Bồ Tát, Hiền Thánh Tăng vậy.

Năm Quán Vô Vi

1_ *Tính công nhiều ít, suy xét nguồn gốc của thức ăn ấy*

2_ *Suy nghĩ kỹ Đức Hạnh của chính mình, đủ thiếu ứng với vật cúng*

3_ *Phòng ngừa Tâm, lìa lỗi lầm do nhóm Tham làm chủ*

4_ *Việc chính là dùng thực phẩm làm thuốc để chữa trị hình thể gầy mòn*

5_ *Vì thành Đạo Nghiệp, nên nhận lấy thức ăn này*

1_ *Tính công nhiều ít (kể công đa thiếu):*

Trí Độ Luận nói rằng: “Thức ăn này do khai khẩn, trồng cấy, thu hoạch, đâm giã, xay mài, đãi bỏ cặn bã, thổi nấu... mới thành, nên dùng công rất nhiều”

Suy xét nguồn gốc của thức ăn ấy (lượng bi lai xứ)

Tăng Kỳ Luật nói rằng: “Thí Chủ đã giảm bớt phần thuộc vợ con của họ, cầu Phước bố thí”.

Phàm lúc *thọ thực* thời nên tác Quán này

2_ *Suy nghĩ kỹ Đức Hạnh của chính mình, đủ thiếu ứng với vật cúng (thôn kỹ đức hạnh, toàn khuyết ứng cúng)*

Tỳ Ni Mẫu Luật nói rằng: “Nếu chẳng ngồi Thiền, tụng Kinh, kinh doanh việc của Tam Bảo với chẳng Trì Giới mà thọ nhận **Tín Thí** của người sẽ vì tiền của mà bị đoạ, tức chẳng thích hợp thọ thực. Đức Hạnh nếu đủ, tức có thể xứng đáng với vật cúng mà thọ thực”

Phàm lúc *thọ thực* thời nên tác Quán này

3_ *Phòng ngừa Tâm, lìa lỗi lầm do nhóm Tham làm chủ (phòng tâm ly quá, tham đặng vi tông)*

Minh Liễu Luận Sớ nói rằng: “Xuất Gia, trước tiên cần phải phòng ngừa ba lỗi lầm của Tâm là: đối với thức ăn có mùi vị ngon ngọt (thượng vị) thì khởi tâm Tham, thức ăn có mùi vị dở kém (hạ vị) thì khởi tâm giận dữ, thức ăn có mùi vị vừa phải (trung vị) thì khởi tâm si. Do đây chẳng biết hổ trên (tâm quý) bị đoạ vào ba nẻo ác”

Phàm lúc *thọ thực* thời nên tác Quán này

4_ *Việc chính là dùng thực phẩm làm thuốc để chữa trị hình thể gầy mòn (chính sự lương dược, vị liệu hình khô) nghĩa là sự đói khát là bệnh của mình (chủ bệnh), 404 bệnh là bệnh bên ngoài (khách bệnh). Cho nên cần dùng thức ăn làm Y Dược để giúp đỡ cho cái thân ấy.*

Phàm lúc *thọ thực* thời nên tác Quán này

404 bệnh. Thân người do bốn Đại: đất, nước, lửa, gió tạo thành. Một Đại chẳng điều hoà liền sinh ra 101 loại bệnh, 4 Đại cộng thành 404 bệnh.

5_ *Vì thành Đạo Nghiệp, nên nhận lấy thức ăn này (vị thành đạo nghiệp, ưng thọ thử thực) nghĩa là chẳng ăn tức bị đói khát khiến cho bệnh sinh thì Đạo Nghiệp làm sao mà thành.*

Kinh **Tăng Nhất A Hàm** nói rằng: “Ăn nhiều dẫn đến bệnh khổ, ăn ít thì khí lực suy yếu, thường trung bình mà ăn như xứng với việc không có cao thấp”

Phàm lúc *thọ thực* thời nên tác Quán này

Kết Trai, trước tiên niệm Chú **Chuẩn Đề**, tiếp theo niệm **Kệ** này là:

所謂布施者

sở vị bố thí giả

必獲其利益

tất hoạch kỳ lợi ích

若為樂故施

nhược vị lạc cố thí

後必得安樂

hậu tất đắc an lạc

Nói là người bố thí

Đều được lợi ích ấy

Nếu vì vui mà cho

Sau tất được an vui

飯食已訖
phạn thực dĩ cật
當願眾生
đương nguyện chúng sanh
所作皆辦
sở tác giai biện
具諸佛法
cụ chư Phật Pháp
*Ăn cơm đã xong rồi
Nên nguyện cho chúng sinh
Chỗ làm đều xong hết
Đầy đủ các Phật Pháp*

TẨY RỬA BÁT

以此洗鉢水
dĩ thử tẩy bát thủy
如天甘露味
như Thiên cam lộ vị
施與諸鬼神
thí dữ chư quỷ thần
悉皆獲飽滿
tất giai hoạch bão mãn
唵。摩休囉悉莎訶(三徧)
Án, ma hru la tát, toa ha (tam biến)
*Dùng nước rửa bát này
Như Cam Lộ của Trời
Ban cho các Quỷ Thần
Thấy đều được no đủ*
ॐ वहुति स्वहा
Oṃ vahuritā svāhā
[Oṃ: Nhiếp triệu
Vahuritā: hương thơm, gạo rang
Svāhā: thành tựu tốt lành]

MỞ BÁT

如來應量器
Như Lai ung lượng khí
我今得敷展
ngã kim đắc phu triển
願共一切眾

nguyên cọng nhất thiết chúng

等三輪空寂

đẳng tam luân không tịch

唵。斯麻摩尼莎訶(三徧)

Án, tu ma, ma ni, toa ha (tam徧)

_ Ứng Khí của Như Lai

Nay con được mở bày

Nguyện cùng tất cả Chúng

Ba Luân đều rỗng lặng

ॐ 𑖀𑖩𑖫𑖮𑖱𑖳𑖴

Oṃ sīma maṇi svāhā

[Oṃ: Nhiếp triệu

Sīma: Giới Đàn

maṇi: viên ngọc như ý

svāhā: thành tựu tốt lành]

NHẬN CỦA BỐ THÍ

財法二施

tài Pháp nhị thí

等無差別

đẳng vô sai biệt

檀波羅蜜

đàn ba-la-mật

具足圓滿

cụ túc viên mãn

_ Cho tiền của (Tài Thí), ban Pháp (Pháp Thí)

Ngang bằng không sai khác

Bố Thí Ba La Mật

Được đầy đủ trọn vẹn

LẤY CÀNH DƯƠNG

(Trong Luật tên là **Xỉ Mộc** (Danta-kaṣṭha). Cây **Dương** có 4 loại đều có thể đánh răng (hay xia răng).

1_ **Bạch Dương**: lá tròn

2_ **Thanh Dương**: lá dài

3_ **Xích Dương**: lá màu đỏ khi sương giáng xuống

4_ **Hoàng Dương**: Bản Tính bền chặt rất kín, khó tăng trưởng.

Nay đều dùng cành liễu thay cho cành Dương. Cành Liễu rũ xuống dưới hay là cây Dương nhỏ (tiểu dương). Nếu nơi không có Liễu thì làm sao đánh răng được ? Nên biết tất cả cây đều có thể đánh răng, đều gọi là **Xỉ Mộc**. Chỉ lấy Tính hoà có vị đắng để nhai nhấm, chẳng phải riêng nói một loại cây Liễu)

手執楊枝

thủ chấp dương chi

當願眾生
đương nguyện chúng sanh

皆得妙法
giai đắc diệu pháp

究竟清淨
cứu cánh thanh tịnh

唵。薩吧嚩述答。薩哩吧。答哩嘛。薩吧嚩述怛(口*夯)。唵。嚩莎訶(後淨法界呪。二十一徧)

Án, tát ba phược thuật đáp, tát lý ba, đáp lý ma, tát ba phược, thuật đát kháng. Án, lam, toa ha (hậu tịnh pháp giới chú. nhị thập nhất徧)

*Tay cầm giữ cành Dương
Nên nguyện cho chúng sinh
Đều được Pháp nhiệm màu (Diệu Pháp)
Rốt ráo đều thanh tịnh*

唵 蘇 不 囉 嚩 囉 蘇 不 囉 嚩 囉 唵 蘇 不 囉 嚩 囉 唵 蘇 不 囉 嚩 囉

Oṃ svabhāva śuddha sarva dharma svabhāva śuddhoḥam
Oṃ raṃ svāhā (Phần sau là **Tịnh Pháp Giới Chú**, niệm 21 lần)

[**Oṃ** Thân khẩu ý

Svabhāva: Tự Tính

Śuddha: thanh tịnh

Sarva: tất cả

Dharma: Pháp

Svabhāva: Tự Tính

śuddhoḥam = **Śuddha** (thanh tịnh) + **uḥam** (tôi cũng)

Oṃ Nhiếp triệu

Raṃ: Chúng tử biểu thị cho lửa Trí Tuệ thiêu đốt sạch tất cả dơ ám

Svāhā: quyết định thành tựu]

NHAI NHÁM CÀNH DƯƠNG

嚼楊枝時
tước dương chi thời

當願眾生
đương nguyện chúng sanh

其心調淨
kỳ tâm điều tịnh

噬諸煩惱
phệ chư phiền não

唵。阿暮伽。彌摩隸。爾嚩迦囉。僧輸馱你。鉢頭摩。俱摩囉。爾嚩僧輸馱耶。陀囉陀囉。素彌麼(口*((禾*勿)/牛))莎嚩訶(三徧)

Án, a mộ già, di ma lệ, nhĩ phộc ca la, tăng du đà nễ, bát đầu ma, câu ma la, nhĩ phộc, tăng du đà gia, đà la đà la, tổ di ma lệ, toa phộc ha (tam biến)

_ Lúc nhai hấm cảnh Dương

Nên nguyện cho chúng sinh

Tâm điều hoà, trong sạch

Cắn nát các phiền não

ॐ अमघ्ज वल्ले शिव कर संसोधने चक्र कुमर शिव संसोधने चक्र सुवल्ले स्वहा

Om_ Amogha-jvale jīva-kara saṃsodhane_ padma-kumāra-jīva saṃsodhāya_ dhāra dhāra _ sujvale svāhā (3 lần)

[Om: nhiếp triệu

Amogha-jvale: Bất Không Uy Đức

jīva-kara: làm cho Thọ Mệnh

saṃsodhane: Chính thanh tịnh, trong sạch chân chính

padma-kumāra-jīva: Thọ mệnh của Liên Hoa Đồng Tử

saṃsodhāya: Chính thanh tịnh, trong sạch chân chính

dhāra dhāra: Nhiếp trì, cầm giữ

sujvale: Thiện uy đức

svāhā: quyết định thành tựu]

(Phàm lúc nhai hấm cảnh Dương thời nên khiến cho nước rãi sạch hết, sau đó dùng nước súc miệng, chẳng được ngậm nước, đồng với đánh chải.

Nhai hấm cảnh Dương ấy có 5 loại lợi ích

1_ Miệng chẳng đắng

2_ Miệng chẳng hôi thối

3_ Trừ bệnh trúng gió

4_ Trừ nóng bức

5_ Trừ đàm rãi

Nếu dùng gần hết nên vứt bỏ ở chỗ nào đó, chẳng được ném vào chỗ mà Đại Chúng đi, ngồi)

SÚC MIỆNG

漱口連心淨

Thấu khẩu liên tâm tịnh

吻水百花香

vấn thủy bách hoa hương

三業恒清淨

tam nghiệp hằng thanh tịnh

同佛往西方

đồng Phật vãng Tây phương

唵。唵罕莎訶(三徧)

Án, hãm. Án, hãm, toa ha (tam biến)

_ Súc miệng hợp Tâm tịnh

Môi đượm nước hoa thơm

Ba Nghiệp luôn thanh tịnh

Đông Phật đến phương Tây

唵 訶 唵 訶 唵 訶

Om haṃ Om haḥ svāhā (3 lần)

[**Om**: Nhiếp triệu

haṃ: chủng tử *chúng ngộ Nhân* của Liên Hoa Bộ

Om: Nhiếp Triệu

haḥ: Chủng tử *thành tựu Nhân* của Liên Hoa Bộ

svāhā: quyết định thành tựu]

CÀM TÍCH TRƯỢNG ĐI RA NGOÀI

(Tiếng Phạn **Khích Khí La** (Khakkhara) đây nói là **Tích Trượng**, là vật mà chư Phật ba đời đã cầm, dùng Trí rõ rệt hành Công Đức, tịch trừ phiền não, nghiệp chướng Tỳ Khuru mỗi ngày, khi ăn sáng xong, đánh răng xong thời nên lễ Phật, lấy cây Trượng ra. Nếu có hàng **Bạch Y** với **Sa Di** thì khiến họ trao cho. Nếu không có thì lễ Phật 3 bái, đứng dậy xong, tự lấy cầm đi ra, hướng về phương Đông phủ bụi, như Pháp tác Quán. Uy Nghi của Quán Hạnh ấy đã trình bày rộng trong Kinh **Tích Trượng**, Khi tay lấy cây Trượng thời ngâm tụng **Kệ Chú** này)

執持錫杖

chấp trì tích trượng

當願眾生

đương nguyện chúng sanh

設大施會

thiết đại thí hội

示如實道

thị như thật đạo

唵。那(口*栗)(口*替)。那(口*栗)(口*替)。那(口*栗)吒鉢底。那(口*栗)帝。

娜夜鉢儻吽發吒(三徧)

Ān, na lật thế, na lật thế, na lật tra bát đê, na lật đế, na dạ bát ninh, hồng, phát tra (tam biên)

Cầm giữ cây Tích Trượng

Nên nguyện cho chúng sinh

Sắp đặt Hội Đại Thí

Hiện bày Đạo Như Thật

唵 訶 唵 訶 唵 訶 唵 訶 唵 訶 唵 訶

Om nṛṭi nṛṭi nṛṭapati nṛtya-pāṇi hūṃ phaṭ (3 lần)

[**Om**: Cảnh giác

nṛṭi nṛṭi: Điệu múa biểu thị cho Thần Thông Du Hý của các đấng Giải Thoát

nṛṭapati: Chủ của điệu múa

nṛtya-pāṇi: bàn tay của điệu múa, biểu thị cho phương tiện của Thần Thông Du

Hý

hūṃ phaṭ: khủng bố phá bại mọi chướng ngại]

TRÁI GIƯỜNG NGỒI THIÊN

若敷牀座

nhuộc phu sàng tọa

當願眾生

đương nguyện chúng sanh

開敷善法

khai phu thiện Pháp

見真實相

kiến chân thật tướng

_ Nếu trải bày giường ngồi

Nên nguyện cho chúng sinh

Mở bày các Pháp Thiện

Nhìn thấy Tướng chân thật

正身端坐

chánh thân đoan tọa

當願眾生

đương nguyện chúng sanh

坐菩提座

tọa Bồ-đề tọa

心無所著

tâm vô sở trước

唵。嚩則囉。阿尼鉢羅尼。邑多耶莎訶(三徧)

Án, phộc tắc la, a ni bát la ni, áp đa gia, toa ha (tam biến)

_ Thăng Thân ngồi ngay ngắn

Nên nguyện cho chúng sinh

Ngồi ở Toà Bồ Đề

Tâm không chỗ dính mắc

ॐ वज्र अनिजा प्रापत्या स्वहा

Om vajra aniñja prāptāya svāhā (3 lần)

[Om: Nhiếp triệu

Vajra: Kim Cương

Aniñja: Quyết định, không có lay động

Prāptāya: đạt được, đắc được

Svāhā: thành tựu tốt lành]

NGỦ NGHỈ

(Lúc ngủ, chắp tay hướng mặt về phương Tây, quán tưởng niệm Phật 10 tiếng, hoặc trăm ngàn tiếng, hoặc vạn tiếng. Liên tụng kệ là)

以時寢息

dĩ thời tâm tức

當願眾生
đương nguyện chúng sanh
身得安隱
thân đắc an ổn
心無動亂
tâm vô động loạn

阿
a
_ *Dùng thời gian ngủ nghỉ*
Nên nguyện cho chúng sinh
Thân luôn được an ổn
Tâm không có loạn động

𑖀
A

(Quán tưởng **A Tỳ Luân**, một hơi trì 21 lần, sau đó nằm. Lúc nằm nên nằm nghiêng theo hông phải, tên là **Cát Tường Thủy**. Chẳng được nằm ngửa, nằm xấp, với nằm nghiêng theo hông trái. Chẳng được cởi bỏ áo lót, Tiểu Y mà nằm. cần phải nhớ niệm **Bản Tham**)

LẤY NƯỚC

(Tiếng Phạn **Bát Lý Tát La Phạt Noa** (Parisrāvāṇa), đây nói là lưới lọc nước.

Trong **Luật** các Tỷ Khưu nghe Chế Giới của Đức Phật xong, chẳng biết làm cái túi lọc nước. Đức Phật dạy như hình cái thìa (cái muôi, cái muỗng), hoặc tam giác, hoặc làm cái vạc to, hoặc làm cái bình lọc, hoặc suy tính đưa loài Trùng ra ngoài, thuận theo để cát ngay trong cái túi, chẳng nên vớt bỏ đất bằng, trở lại tích chứa trong nước.

_ **Hội Chính Ký** nói rằng: “Nếu làm cái túi, nên dùng lụa mịn tinh tế là hơn hết. Nếu không có lụa mịn thì dùng vải mềm mịn cũng được”.

_ **Tăng Chi Luật** nói rằng: “Lúc nhìn nước thời chẳng nên dùng **Thiên Nhân** xem, cũng chẳng được sai người mắt mờ nhìn, cho đến người hay thấy vằn nhỏ bé trong lòng bàn tay được nhìn, chẳng được nhanh quá, chẳng được lâu quá, nên như một khoảng khắc của con voi lớn. Nếu vật trong nước rất nhỏ nhiệm thì chẳng được lấy dùng rửa tay rửa mặt với đi tiểu đi cầu...”

_ **Truy Môn Cảnh Huấn** nói rằng: “Cái túi lọc là dụng cụ thực hiện lòng Từ, là Duyên để cứu giúp vật, **Đại Hạnh** do đây mà sinh, đến **Đạo** cũng nhân vào điều ấy mà khắc phục”

Phàm lúc lấy nước thời tụng Đức Danh của chư Phật, Kê, Chú...ất Công Đức không có cùng tận, có thể nói là bậc Trì Giới chân thật vậy)

若見流水
nhược kiến lưu thủy
當願眾生
đương nguyện chúng sanh
得善意欲
đắc thiện ý dục

洗除惑垢

tẩy trừ hoặ cẩu

南無歡喜莊嚴王佛 南無寶髻如來

Nam mô hoan hỷ Trang nghiêm Vương Phật Nam mô bảo kế Như Lai

南無無量勝王佛

Nam mô vô lượng thắng Vương Phật

唵。嚩悉波羅摩尼莎婆訶(三徧)

Án, phộc tất, ba la ma ni, sa bà ha (tam biến)

_ Nếu nhìn thấy nước chảy

Nên nguyện cho chúng sinh

Được ý lành mong muốn

Tẩy trừ phiền não dơ

*Nam mô **Hoan Hỷ Trang Nghiêm Vương Phật***

*Nam mô **Bảo Kế Như Lai***

*Nam mô **Vô Lượng Thắng Như Lai***

ॐ वसि प्रामाणि स्वहा

Om vaśi pramaṇi svāhā (3 lần)

[**Om**: Cảnh giác

Vaśi: hiểu thấu

pramaṇi: viên ngọc như ý thắng thượng

svāhā: thành tựu tốt lành]

若見大河

nhược kiến đại hà

當願眾生

đương nguyện chúng sanh

得預法流

đắc dự Pháp lưu

入佛智海

nhập Phật trí hải

_ Nếu nhìn thấy sông lớn

Nên nguyện cho chúng sinh

Đắc dự vào dòng Pháp

Vào biển Trí của Phật

若見橋道

nhược kiến kiều đạo

當願眾生

đương nguyện chúng sanh

廣度一切

quảng độ nhất thiết

猶如橋梁

do như kiêu lương
_ Nếu nhìn thấy cầu, đường
Nên nguyện cho chúng sinh
Rộng độ khắp tất cả
Giống như cây cầu tốt

TẮM PHẬT

我今灌浴諸如來
ngã kim quán dục chư Như Lai
淨智莊嚴功德聚
tịnh trí trang nghiêm công đức tụ
五濁眾生令離垢
ngũ trược chúng sanh lệnh ly cấu
同證如來淨法身
đồng chứng Như Lai tịnh Pháp thân

_ Nay con tắm gội các Như Lai
Tịnh Trí trang nghiêm nhóm Công đức
Chúng sinh năm Trược, lia dơ bẩn
Chứng **Thân Tịnh Pháp** của Như Lai

KHEN NGỢI PHẬT

讚佛相好
tán Phật tướng hảo
當願眾生
đương nguyện chúng sanh
成就佛身
thành tựu Phật thân
證無相法
chứng vô tướng Pháp
唵。牟尼牟尼。三牟尼薩嚩賀
Án, mâu ni, mâu ni, tam mâu ni, tát phộc hạ

_ Khen tướng tốt của Phật
Nên nguyện cho chúng sinh
Thành tựu được thân Phật
Chứng đạt **Pháp Vô Tướng**
ॐ मुनि मुनि सम्मुनि स्वहा
Oṃ muṇi muṇi saṃmuṇi svāhā
[Oṃ: Quy mệnh
muṇi: tịch mặc
muṇi: tịch mặc

- 1_ Biết người bệnh có thể ăn, chẳng thể ăn. Có thể ăn mới cho ăn
 2_ Chẳng chán ghét, khinh rẻ khi người bệnh đi tiểu, đi cầu, chảy nước mũi, nôn mửa...
 3_ Có Tâm **Từ Mẫn** chẳng vì quần áo, thức ăn
 4_ Hay lo liệu thuốc thang điều trị cho đến khỏi bệnh
 5_ Hay vì người bệnh nói Pháp khiến cho người ấy tăng ích Pháp lành
 Tuy trông nom bệnh khổ chẳng lâu, chỉ một lúc nhìn thấy, liền tụng Kệ Chú này.
 Trong tám ruộng Phước thì **trông nom bệnh** là ruộng Phước bậc nhất)

見疾病人

kiến tật bệnh nhân

當願眾生

đương nguyện chúng sanh

知身空寂

tri thân không tịch

離乖諍法

ly quai tránh Pháp

唵。室哩多。室哩多。軍吒利莎嚩賀(三徧)

Án, thất lý đa, thất lý đa, quân tra lợi, toa phộc hạ (tam biến)

_ Nhìn thấy người bệnh tật

Nên nguyện cho chúng sinh

Biết thân, rộng vắng lặng (không tịch)

Lìa Pháp kiện cãi nhau

唵 室哩多 室哩多 軍吒利莎嚩賀

Om śrīta śrīta-kuṇḍali svāhā (3 lần)

[Om: Nhiếp triệu

Śrīta: Tính chất tốt lành

śrīta-kuṇḍali: cái bình chứa tính chất tốt lành

svāhā: quyết định thành tựu]

CẠO TÓC

(Văn Thù Bồ Tát đã tập hợp **ngày cạo tóc** là: mồng bốn, mồng sáu, mồng bảy, mồng tám, mồng chín, mồng mười, 11, 14, 15, 16, 19, 22, 23, 24, 25, 26, 29...ngâm niệm **Kệ Chú** này)

剃除鬚髮

thế trừ tu phát

當願眾生

đương nguyện chúng sanh

遠離煩惱

viễn ly phiền não

究竟寂滅

cứ cánh tịch diệt

唵。悉殿都。漫多囉。跋陀耶。娑婆訶(三徧)
Án, tát điện đô, mạn đa la, bạt đà gia, sa bà ha (tam biến)

*__ Khi cắt róc, cạo râu
Nên nguyện cho chúng sinh
Xa lìa mọi phiền não
Rốt ráo được Tịch Diệt*

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Om siddhyantu mantra-padāya svāhā (3 lần)

[**Om**: Thân khẩu ý

Siddhyantu: ban cho sự thành tựu

mantra-padāya: các câu của Chân Ngôn

svāhā: thành tựu tự tính an lạc của Niết Bàn]

TẮM GỘI

(**Luật** đặt ra: Tỳ Khưu , nửa tháng tắm một lần, chẳng được vượt hơn. Trừ lúc bệnh, lúc nóng, lúc làm việc, lúc gió, lúc mưa, lúc đi đường...thì chẳng kể, lại liền tắm gội.

Nên lựa chọn ngày. Ngày kiêng kỵ là 6 ngày Trai vì ngày ấy có chư Thiên xuống Hạ Giới xem xét việc Thiện Ác của con người...thích hợp nên khéo làm việc tốt. Sáu ngày Trai trong mỗi tháng là: 08, 14, 15, 23, 29, 30.

Phạm vào chỗ tắm, nên đem áo sạch treo trên cây tre sạch, cái khố bên trong treo trên cây tre làm hàng rào (xúc can), chẳng được bó sát chút gì trong nhà tắm, chẳng được cười nói với người khác, chẳng được giặt rửa ở nơi vắng vẻ.

Phạm có bệnh nhọt, ghẻ lở thì thích hợp tắm sau cùng. Hoặc có nhọt đáng sợ, thì nên tránh né không cho người nhìn thấy.

Ngâm niệm **Kệ Chú** này)

洗浴身體

tẩy dục thân thể

當願眾生

đương nguyện chúng sanh

身心無垢

thân tâm vô cấu

內外光潔

nội ngoại quang khiết

唵。跋折囉惱迦吒莎訶(三徧)

Án, bạt chiết la, nã ca tra, toa ha (tam biến)

*__ Khi tắm rửa thân thể
Nên nguyện cho chúng sinh
Thân Tâm không dơ bẩn
Trong ngoài đều sáng sạch*

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Om vajra-udaka tṛaḥ svāhā (3 lần)

[**Oṃ**: Nhiếp triệu
vajra-udaka: Kim Cương Thủy, nước Kim Cương
ṭhaḥ: Chúng tử thành tựu sự nuôi lớn tất cả các Pháp
svāhā: thành tựu tốt lành]

RỬA CHÂN

若洗足時
nhược tẩy túc thời
當願眾生
đương nguyện chúng sanh
具神足力
cụ thần túc lực
所行無礙
sở hạnh vô ngại
唵。嚩瑟訶(三徧)
Án, lam toa ha (tam biến)

*Nếu lúc tẩy rửa chân
Nên nguyện cho chúng sinh
Đầy đủ sức Thần Túc
Chỗ hành không trở ngại*

唵 嚩 瑟 訶

Oṃ Raṃ svāhā (3 lần)

[**Oṃ** Nhiếp triệu

Raṃ: Chúng tử biểu thị cho lửa Trí Tuệ thiêu đốt sạch tất cả dơ ám

Svāhā: quyết định thành tựu]

MƯỜI GIỚI TƯỚNG CỦA SA DI

(**Sa Di** (śrāmaṇeraka, hay śrāmaṇera) có hai loại. Một là **Hình Đồng Sa Di**, hai là **Pháp Đồng Sa Di**.

Nếu chỉ xuống tóc xuất gia để được siêu độ (Thế Độ), chưa thấm đượm Giới Phẩm thì gọi là **Hình Đồng Sa Di**

Nếu thọ nhận Tịnh Giới có mười Chi thì gọi là **Pháp Đồng Sa Di**.

Trong **Pháp Đồng** lại có ba loại:

Từ 7 tuổi đến 13 tuổi có Hiệu là **Khu Ô Sa Di** (Sa Di đuổi quạ, chỉ giúp cho chúng Tăng đuổi quạ, giữ gìn nông sản...để tạo Phước)

Từ 14 đến 19 có Hiệu là **Ứng Pháp Sa Di** (Sa Di có thể thờ Thầy làm được việc khó nhọc, tu tập các Môn Giải Thoát)

Từ 20 trở lên có Hiệu là **Danh TỰ Sa Di**)

一曰不殺生

nhất viết bất sát sanh

二曰不盜

nhị viết bất đạo

三曰不婬

tam viết bất dâm

四曰不妄語

tứ viết bất vọng ngữ

五曰不飲酒

ngũ viết bất ẩm tửu

六曰不著香華鬘不香塗身

lục viết Bất Trước Hương Hoa Man Bất Hương Đồ Thân

七曰不歌舞倡伎及故往觀聽

thất viết bất ca vũ xướng kỹ cập cố vãng quán thính

八曰不坐高廣大牀

bát viết bất tọa cao quảng đại sàng

九曰不非時食

cửu viết bất phi thời thực

十曰不捉持生像金銀寶物

thập viết Bất Tróc Trì Sanh Tượng Kim Ngân Bảo Vật

1_ *Chẳng được sát sinh*

2_ *Chẳng được trộm cắp*

3_ *Chẳng được Dâm Dục*

4_ *Chẳng được nói dối*

5_ *Chẳng được uống rượu*

6_ *Chẳng được đeo vòng hoa thơm, chẳng được dùng hương xoa bôi thân*

7_ *Chẳng được ca múa, làm trò đùa vui cho người (Xướng Kỹ) với cố tình đi đến nhìn nghe*

8_ *Chẳng được ngồi trên giường lớn cao rộng lớn*

9_ *Chẳng được ăn không đúng thời (Phi thời thực)*

10_ *Chẳng được cầm giữ trang tượng của người còn sống, vàng, bạc, vật báu*

Sa Di nên đủ 5 Đức, nên biết mười số

_ Kinh **Phước Điền** nói rằng: “Sa Di nên biết 5 Đức:

1_ *Phát Tâm xuất gia, ôm lòng giữ Đạo*

2_ *Hủy bỏ sự tốt đẹp của hình thể, ứng với quần áo Pháp (Pháp phục)*

3_ *Cắt bỏ sự yêu thích, từ già người thân*

4_ *Vứt bỏ thân mạng, tôn sùng Đạo*

5_ *Chỉ cầu Đại Thừa, để cứu độ người”*

_ **Tăng Kỳ Luật** nói rằng: “Nên vì Sa Di nói mười số

1_ *Tất cả chúng sinh đều nương dựa vào thức ăn uống*

2_ *Danh Sắc*

3_ *Biết ba cảm giác (Khổ, vui, dững dưng)*

4_ *Bốn Đé*

5_ *Năm Uẩn*

6_ *Sáu Nhập*

- 7_ Bảy Giác ý
- 8_ Tám Chính Đạo
- 9_ Chín chỗ cư trú của chúng sinh
- 10_ Mười tất cả Nhập”

MƯỜI GIỚI TƯỚNG CỦA SA DI NI

Mười Giới Tướng của **Sa Di Ni** (śrāmaṇerikā) [đồng với bên trên, nên chẳng liệt kê lần nữa]

GIỚI TƯỚNG CỦA THỨC XOA MA NA

(Tiếng Phạn **Thức Xoa Ma Na Ni** (Śikṣamāṇāni) Đây nói là **Học Giới Nữ**. Đức Phật thuận theo người nữ 10 tuổi đã từng lấy chồng với Đồng Nữ 18 tuổi...cho 2 năm học Giới để Tịnh Thân, cho 6 Pháp để Tịnh Tâm. Ở trong **Ni Tăng**, tập Chúng bạch bốn **Yết Ma** cho đủ 12 năm với đủ 20 năm thì mới cho thọ nhận đủ Giới (Cụ Giới). Nếu năm học chưa đủ, 6 Pháp chẳng Tịnh thì chẳng cho thọ nhận **Cụ Túc Giới** của Tỳ Khưu Ni)

- 一曰不婬
nhất viết bất dâm
- 二曰不盜
nhị viết bất đạo
- 三曰不殺
tam viết bất sát
- 四曰不妄語
tứ viết bất vọng ngữ
- 五曰不非時食
ngũ viết bất phi thời thực
- 六曰不飲酒
lục viết bất ẩm tửu

- 1_ Chẳng được dâm dục
- 2_ Chẳng được trộm cắp
- 3_ chẳng được sát sinh
- 4_ Chẳng được nói dối
- 5_ Chẳng được ăn không đúng thời
- 6_ Chẳng được uống rượu

(**Luật** đặt ra ba Chúng bạch dưới là Thức Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni nên trì giữ hai loại áo bên trên, bên dưới (**Thượng Hạ Y**), một cái **Uất Đa La Tăng** (Uttarāsaṅga) tức là **Man Y** (Paṭṭa: áo Lễ Sám) là cái áo có tướng chẳng chia cắt phân khu như thửa ruộng. Cái bát được trì giữ là vật khí bằng đồng, chẳng phải là **Úng Lượng Bát Đa La** (úng Lượng Bát Khí) vậy.

Nay **Bản Sơn**: Phạm là người từ 18 tuổi xuống đến 7 tuổi, muốn thọ Giới Sa Di thì như Luật tạo **Nhị Định Mạn Y** hành trì. Nếu năm đó đủ 20 tuổi, đi đến xin thọ nhận **Cụ Túc Giới** thì cho làm ba áo đều là tướng chia cắt phân khu như thửa ruộng,

với **Ứng Lượng Bát Khí**. Tuy không có **Mạn Y** cũng phương tiện hứa cho thọ nhận mười Giới của Sa Di, khoác mặc dùng hành trì.

1_ Phép tắc cho thọ nhận đủ chẳng sâu xa, là cơ bản của Tỳ Khuru Giới

2_ Phép tắc cho phép quần áo vật dụng khó được, muốn khiến cho cầu tìm **Mạn Y** thì trở ngược thành Giới ngăn che Nhân Duyên.

Nay chuẩn bị làm rõ việc này khiến cho người **Học Luật** biết Pháp Tắc của Đức Phật chẳng phải là hiển sự sai khác để mê hoặc Chúng. Lại phép tắc trong **Cựu Bản** đem năm ngàn Giới Tướng của Tỳ Khuru mở bày liệt kê Giới Tướng của Sa Di sau này. Ngày nay tước bỏ đi chẳng còn, phụ thêm **Lưỡng Thừa Bồ Tát Chính Phạm** ở phía sau. Pháp Tắc của Đức Phật chẳng nghe hàng Sa Di với Bạch Y biết năm ngàn Giới Tướng, sợ thọ nhận đủ Giới thành che chận, phạm vào lỗi của **Tặc Trụ** (Steya-samvāsika: Trộm cắp Giáo Pháp mà xuất gia cạo tóc) vậy.

GIỚI TƯỚNG CỦA ƯU BÀ TẮC

一曰不殺

nhất viết bắt sát

二曰不盜

nhị viết bắt đạo

三曰不邪淫

tam viết bắt tà dâm

四曰不妄語

tứ viết bắt vọng ngữ

五曰不飲酒

ngũ viết bắt ẩm tửu

1_ *Chẳng được sát sinh*

2_ *Chẳng được trộm cắp*

3_ *Chẳng được Tà Dâm*

4_ *Chẳng được nói dối*

5_ *Chẳng được uống rượu*

(Năm Giới này. Nếu chẳng thể thọ nhận hoàn toàn thì hoặc thọ trì một Giới, hai Giới, ba Giới, bốn Giới. Phương tiện của Đức **Phật Từ**, mỗi mỗi tùy nghe, nếu là người Trí độc một lòng tin tưởng, trì giữ đủ năm Giới thì mới là **Chính Thọ**)

GIỚI TƯỚNG CỦA PHÁP BÁT QUAN TRAI

一不殺

nhất bắt sát

二不盜

nhị bắt đạo

三不淫

tam bắt dâm

四不妄語

tứ bất vọng ngữ

五不飲酒

ngũ bất ẩm tửu

六離華香瓔珞。香油塗身

lục ly hoa hương anh lạc 。 hương du đồ thân

七離高勝大牀。及作唱伎樂。故往觀聽

thất ly cao thắng Đại sàng 。 cập tác xướng kĩ nhạc 。 cố vãng quán
thính

八離非時食

bát ly phi thời thực

1_ Chẳng được sát sinh

2_ Chẳng được trộm cắp

3_ Chẳng được Dâm Dục

4_ Chẳng được nói dối

5_ Chẳng được uống rượu

6_ Lìa hoa, hương, chuỗi Anh Lạc, dầu thơm xoa bôi thân

7_ Lìa giường lớn cao rộng lớn với tác xướng Kỹ Nhạc với cố tình đi đến nhìn
nghe

8_ Lìa bữa ăn không đúng thời (Phi thời thực)

(Tỳ Ba Sa Luận nói rằng: “Phàm Trai là chẳng ăn quá giờ Ngọ làm Thề, dùng tám việc trợ thành Trai Thề cùng chung nhau mà trì thì gọi là Pháp Bát Chi Trai, cũng gọi là **Bát Quan Trai**”

_ **Thành Thật Luận** nói rằng: “Vì sao chỉ nói lìa tám việc ? Vì tám việc này là cửa, do tám Giới này lìa tất cả ác. Trong đó 4 việc trước là **Thật Ác**, uống rượu là cửa của mọi ác, ba việc còn lại hay khởi Nhân Duyên ngăn che Đạo. Cho nên dùng tám Pháp thành tựu năm Thừa”

Quan là đóng bít các Ác. Tám Giới này chỉ thọ nhận một ngày một đêm, hoặc trong tháng: ngày 08, 14, 15...hoặc sáu ngày Trai, sáu ngày Trai ấy đã nói rõ trong phép tám giới lúc trước. Hoặc ngày Đản Sinh của chư Phật Bồ Tát. Hoặc ngày sinh của chính mình ...đều có thể thọ trì.

_ **Luận** nói rằng: “Nếu thọ nhận tám Giới, nên một ngày một đêm, đừng khiến cho cuối cùng *Giới Tướng của Thân* rối loạn. **Tám Giới** này chẳng kể đã thọ nhận **năm Giới** với thọ nhận **Tại Gia Bồ Tát Giới** đều có thể thọ nhận. Từ lúc này trở đi, ngườiạo tóc xuất gia, phần lớn có thọ trì tám Giới, làm Thầy (Sư)”

Cũng nói rằng: “Cho thọ nhận năm Giới, tám Giới mà chẳng *tinh tâm nghiên cứu* Luật Giáo, ham làm Thầy của người, tự mình mù quáng lại làm cho người mù quáng, làm việc đều sai lầm”

Nay **Bản Sơn**: “Phàm là người xuất gia, chỉ đến xin thọ nhận tám Giới, muốn mặc áo năm điều, áo bảy điều...thì gạt phăng đi, chẳng đáng thuận theo”

_ Lại phép tắc **Tại Gia Ưu Bà Tắc Giới, Ưu Bà Di Giới**...thì Pháp Chế của Đức Phật chẳng hứa cho mặc **Cát Tiệt Phước Điền Y**, khiến khoác **Sám Lễ Y** lễ Phật tụng Kinh tức là **mạn Y** vậy. Dường như Đức Phật khiến cho tự mình tùy theo sức mà cúng

dường Tam Bảo, chẳng nghe nhận bốn việc của người khác. Đã chẳng phải là ruộng Phước của chúng sinh cho nên chẳng hứa cho mặc **Cát Tiệt Phước Điền Y**.

Lại giả sử người này thọ nhận **Tại Gia Bồ Tát Giới**, khiến cho lưu giữ ba Y, cái bát, tích trượng...phụng cúng trước mặt Phật. Đột nhiên gặp vị Tăng Ni xuất gia bị thiếu Y Cụ (quần áo, vật dụng) ấy với người có đủ tuổi...muốn thọ nhận vật dụng ấy mà bị thiếu Y Bát ấy, tùy xin cho vật ấy liền tạo phụng cúng, chẳng được lưu giữ. Tự thân mình thuận theo mặc **Mạn Y Nhất Định**, lễ bái trì tụng. Chẳng thuận theo thành, ấp, tụ lạc...mà khoác mặc đi đến.

Nếu vào chùa, lễ Tam Bảo thì nên để trong cái túi mang theo thân, vào trong chùa mới được mặc. Bởi vì Tại Gia thuận theo áo sáng đẹp rực rỡ, nếu luôn mặc liền phạm vào phép tắc. Người xuất gia chẳng thuận theo áo sáng đẹp rực rỡ, nếu sáng đẹp rực rỡ liền phạm vào phép tắc

Nay **Bản Sơn**: Phạm hai chúng Nam Nữ tại gia có Tín Tâm...xin thọ nhận năm Giới với Bồ Tát Giới thì khiến làm **Mạn Y** lễ kính Tam Bảo, chẳng thuận theo cho mặc **Điều Tướng Điền Y**

Lại **Giới Tướng của Bồ Tát** thì trong **Tỳ Ni Nhật Dụng** này chẳng kê ra, phụ trong **Bồ Tát Chính Phạm** quyển Trung)

LUẬT THIẾT YẾU DÙNG TRONG NGÀY

Hết

06/08/2011